TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 4 -2019
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Kim Phụng

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn GH,huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp RR, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau vợ chồng chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn nên anh chị không sống

chung, không liên lạc từ nhiều năm nay. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Đại diện địa phương xác định cả anh T và chị N đều thường xuyên đi làm xa, thỉnh thoảng mới về địa phương nên không xác định được tình trạng hôn nhân của chị N và anh T như thế nào. Tòa án cũng không tiến hành ghi lời khai của anh T được.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị N xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự.Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụngĐiều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Hôn nhân giữa chị N và anh T là tự nguyện và hợp pháp. Chị N xác định hiện nay chị và anh T không còn chung sống với nhau, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị N đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay, không còn liên lạc hay quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N nhất xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu và Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228,Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0011742 ngày 11/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm